TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/2020/QĐST-HNGĐ	*Gò Công Tây, ngày 21 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 410/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị L, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Ấp Th, xã Th, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Quốc N, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Ấp Th, xã Th, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị L và anh Huỳnh Quốc N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Chị Ngô Thị L và anh Huỳnh Quốc N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh V, sinh ngày 28/9/2004.

Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh V hàng tháng, mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định (thời điểm hiện tại tương đương 745.000 đồng/tháng); thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu V đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

Đối với con chung tên Huỳnh L, sinh ngày 12/02/1996 đã trưởng thành và lao động được nên chị L, anh N không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị L tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0016231 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang nên chị L đã nộp xong án phí.

Anh N không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã Th, huyện GCT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thanh Phú